

Số: 37/2024/QĐST-DS

C R, ngày 26 tháng 08 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 08 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 166/2024/TLST/DS ngày 29 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP K L**.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Trần N M**. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Trụ sở: Số 40-42-44 đường Phạm Hồng Thái, phường V T V, thành phố R G, tỉnh K G.

Địa chỉ liên hệ: Số 38-40 Đại lộ Hoà Bình, phường A C, quận N K, thành phố C T.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê T V**. Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc. (Theo Quyết định ủy quyền số 3366 ngày 21/8/2023)

Ông **Lê T V** tiếp tục uỷ quyền lại cho: Ông **Nguyễn V T**. (Theo Quyết định ủy quyền số 153 ngày 16/01/2024).

Địa chỉ: Số 38-40 Đại lộ Hoà Bình, phường A C, quận N K, thành phố C T.

* Bị đơn: Ông **Nguyễn V U**, sinh năm 1984.

Địa chỉ thường trú: Số 343, khu vực Phú Mỹ, phường Thường Thạnh, quận C R, thành phố C T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn ông Nguyễn V U đồng ý trả nợ cho Ngân hàng TMCP K L theo hợp đồng tín dụng số 047/23/HĐTD/0401-5824 ngày 09/5/2023 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/8/2024 là 349.309.473 đồng (Ba trăm bốn mươi chín triệu, ba trăm lẻ chín nghìn, bốn trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: nợ gốc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), lãi trong hạn 31.463.014 đồng (Ba mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm mười bốn đồng), lãi

quá hạn: 16.190.137 đồng (Mười sáu triệu, một trăm chín mươi nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng), lãi chậm trả 1.656.322 đồng (Một triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn, ba trăm hai mươi hai đồng).

Ngân hàng TMCP K L có quyền tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng số 047/23/HĐTD/0401-5824 ngày 09/5/2023 kể từ ngày 17/8/2024 cho đến khi phía ông Nguyễn V U thanh toán dứt khoản nợ.

Thời gian và cách thức trả: Các bên thống nhất giải quyết tại cơ quan thi hành án.

Bị đơn ông Nguyễn V U không có khả năng thanh toán trong thời gian tự nguyện thi hành án thì Ngân hàng TMCP K L có quyền đề nghị phát mãi tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 102/22/HĐTC-BDS/0401-5824 ngày 24/3/2022 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 102/22/HĐTC-BDS/0401-5824 (1) ngày 09/5/2023 gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 388; tờ bản đồ số 6; Địa chỉ: khu vực Phú Mỹ, phường Thường Thạnh, quận C R, thành phố C T; Diện tích: 367,5m²; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở 324,5m², đất trồng cây lâu năm 43m² căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CU 284000, số vào sổ cấp GCN: CS10382 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C T cấp ngày 25/02/2020 cho ông Nguyễn V U. Tài sản trên đất gồm: Cây trồng trên đất có 01 (Một) cây Mận loại A, 02 (Hai) cây Dừa loại B, 01 (Một) cây Xoài loại B; Nhà trên đất gồm có: Nhà (1) nhà ở khung cột, bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch men, trần prima, mái tole, diện tích xây dựng 74,83m². Nhà (2) cột bê tông đúc sẵn, khung kèo thép + gỗ, vách tole, nền láng xi măng, mái tole, diện tích xây dựng là 30,6m². Nhà (3) cột bê tông đúc sẵn, khung kèo thép + gỗ, vách tole, nền láng xi măng, mái tole, diện tích xây dựng là 14,05m². Công trình phụ gồm: Mái che khung cột, kèo thép, mái tole, nền láng xi măng, diện tích xây dựng là 42,78m² và hàng rào cột bê tông cốt thép ốp gạch men, xây tường ốp gạch men + khung sắt dài 6,9m theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/7/2024.

(Kèm theo quyết định gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CU 284000, số vào sổ cấp GCN: CS10382, Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T)

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định 3.950.000 đồng (Ba triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng), bị đơn đồng ý tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này. Nguyên đơn đã tạm ứng trước nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại số tiền 3.950.000 đồng (Ba triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng) cho nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 8.732.500 đồng (Tám triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm đồng). Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp với số tiền 8.145.000 đồng (Tám triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên

lai thu số 0003474 ngày 23/05/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận C R, thành phố C T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Nơi nhận:**

- + Đương sự;
- + VKSND Q. C R,
- TP. C T;
- + Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

TRẦN THỊ HỒNG GÁM